

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HSST

Ngày: 01/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di, nguyên Phó trưởng phòng - Phòng Giáo dục và đào tạo huyện T, nay đã hưu trí.

2. Ông Phạm Văn Minh, Phó giám đốc Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thông huyện T.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Việt Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- **Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Hứa Hải Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 50/2019/HSST ngày 17/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HS ngày 17/7/2019, đối với bị cáo:

Đỗ Văn T (tên thường gọi: Vàng), sinh năm 1996; tại: tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú: xóm 7, thôn Phú Hải, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm biển; trình độ học vấn: 2/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt nam; con ông Đỗ Văn H và bà Đinh Thị D; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã, bị tạm giam từ ngày 08.5.2019 và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: **Huỳnh Thị Kim M** (tên thường gọi: Bé), sinh năm 1980; trú tại: xóm 8, thôn Phú Tân, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan: **Tô Thị L**, sinh năm 1969; trú tại: xóm 9A, thôn Phú Tân, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn T là người nghiện ma túy, khoảng 23 giờ ngày 18.11.2016 T đi đến ghe của nhà T neo đậu tại bờ sông thuộc thôn Phú Hải, xã H, huyện T. T thấy ghe số BTH 89438 của Huỳnh Thị Kim M (bé) đang neo đậu không có người trông coi nên T nảy sinh ý định lên ghe của M để trộm cắp tài sản lấy tiền để chích ma túy. T biết chỗ cất giấu chìa khóa ghe của M nên T lấy 01 chìa khóa tại ống nhựa cạnh cabin ghe. T mở cửa cabin vào trong nhìn thấy có 02 thùng nhớt hiệu Castrol (20W-50) màu xanh, loại

18 lít chưa qua sử dụng. T lấy 02 thùng nhớt mang về ghe của T cất giấu. Đến ngày 20.11.2019 T mang 02 thùng nhớt trộm cắp được bán cho Tô Thị L. L không biết là tài sản do T trộm cắp mà có nên đồng ý mua với giá 1.300.000 đồng. T mua ma túy sử dụng hết số tiền 1.300.000 đồng. Sau khi phát hiện mất tài sản M trình báo cho công an xã H thu giữ tang vật 02 thùng nhớt tại nhà Tô Thị L.

Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Đỗ Văn T đã làm việc với Công an xã H và Công an huyện T khai nhận hành vi phạm tội của mình sau đó T bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 31/5/2017 Cơ quan CSĐT ra lệnh truy nã đối với Đỗ Văn T. Đến ngày 08/5/2019 T bị Công an thị trấn L, huyện L, tỉnh B bắt theo quyết định truy nã.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 09/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 02 thùng nhớt hiệu Castrol (20W-50) mỗi thùng 18 lít có giá trị: 2.600.400 đồng.

Tại bản cáo trạng số 56/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 17/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đã truy tố bị cáo Đỗ Văn T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T, phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), đồng thời áp dụng điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009), đề xử phạt bị cáo cáo Đỗ Văn T với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo đã nông nổi nhất thời phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét, xử cho bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo hứa sẽ không tái phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó có đủ cơ sở khẳng định các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo và chứng cứ, chứng minh:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Đỗ Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo khẳng định những lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị bức cung, ép cung và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng, không oan sai. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người L quan và các chứng cứ khác đã được thu thập

trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: vào ngày 18.11.2016 bị cáo T đi đến ghe của nhà bị cáo neo đậu tại bờ sông thuộc thôn Phú Hải, xã H, huyện T. Bị cáo thấy ghe số BTH 89438 của bà Huỳnh Thị Kim M đang neo đậu không có người trông coi, nên bị cáo nảy sinh ý định lên ghe của bà M để trộm cắp tài sản lấy tiền để sử dụng ma túy. Bị cáo T biết chỗ cất giấu chìa khóa ghe của bà M, nên bị cáo đã lấy 01 chìa khóa tại ống nhựa cạnh cabin ghe. mở cửa cabin vào trong nhìn thấy có 02 thùng nhớt hiệu Castrol (20W-50) màu xanh, loại 18 lít chưa qua sử dụng. Bị cáo lấy 02 thùng nhớt mang về ghe của nhà bị cáo cất giấu. Đến ngày 20.11.2019 bị cáo mang 02 thùng nhớt trộm cắp được bán cho bà Tô Thị L với giá 1.300.000 đồng, lấy tiền để sử dụng ma túy.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 09/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 02 thùng nhớt hiệu Castrol (20W-50) mỗi thùng 18 lít có giá trị: 2.600.400 đồng.

Vì vậy, bản cáo trạng số: 56/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 17/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đã truy tố bị cáo Đỗ Văn T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) như đã viện dẫn trong cáo trạng là hoàn T đúng, có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Đỗ Văn T là công dân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thừa biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính tham lam, muốn có tiền mà không do sức lao động của mình làm ra, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 02 thùng nhớt hiệu Castrol (20W-50) màu xanh, loại 18 lít của bà Huỳnh Thị Kim M, đem bán cho bà Tô Thị L với giá 1.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. nên cần phải xử bị cáo một mức án nghiêm khắc, để bảo vệ tính nghiêm minh của pháp luật hình sự Việt Nam.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo Đỗ Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã khắc phục hậu quả. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, điểm h và điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi; bổ sung năm 2009), nên cần xem xét chiếu cố khi xử lý, giảm nhẹ cho bị cáo một phần trong mức hình phạt, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước Xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người nghiện ma túy, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, để có đủ thời gian cai nghiện, cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe những phần tử khác có ý đồ phạm tội tương tự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình của bị cáo T đã nộp số tiền 1.300.000 đồng, tại biên lai thu tiền số 0002313 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nhằm để khắc phục hậu quả, hoàn trả cho bà L, nhưng trong giai đoạn điều tra bà L không yêu cầu bị cáo

phải hoàn trả lại, xét thấy số tiền này bị cáo có được từ việc phạm tội, nên không trả lại cho bị cáo mà tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của pháp luật.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã phân tích trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: vào khoản 1 Điều 138 điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009)

2. Tuyên bố: bị cáo **Đỗ Văn T**, phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”

3. Xử phạt: bị cáo **Đỗ Văn T 06 (Sáu)** tháng tù, thời gian tù tính từ bị bắt giam (08/5/2019).

4. Về phần dân sự: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.300.000 đồng nộp tại biên lai thu tiền số 0002313 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/8/2019); người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS (tỉnh + huyện);
- Công an huyện
- Chi cục THA huyện;
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch